

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Số: 256/QĐ-VĐCKS

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA VIỆN KHOA HỌC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3481/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế và Chánh Văn phòng Viện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy chế trước đây trái với quy định trong quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Viện, Trưởng các đơn vị chức năng, chuyên môn có liên quan và các nghiên cứu sinh thuộc Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Viện;
- Website Viện ĐC&KS;
- Lưu: VT, KH,ĐT&HTQT. NVL.

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Trịnh Hải Sơn

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ TẠI VIỆN KHOA HỌC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-VĐCKS, ngày 15 tháng 11 năm 2021
của Viện trưởng Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản (sau đây gọi tắt là Viện ĐCKS), bao gồm tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; luận án và đánh giá luận án; công nhận học vị và cấp bằng; nghĩa vụ và quyền lợi của giảng viên và nghiên cứu sinh; tài chính cho đào tạo; thanh tra, kiểm tra, giải quyết và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện ĐCKS.

3. Quy chế này áp dụng cho các chương trình đào tạo tiến sĩ do Viện ĐCKS cấp bằng.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo và ngành đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo: Đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Địa chất học, Khoáng vật học và địa hóa học tại Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản nhằm cung cấp cho Viện ĐCKS, cho ngành địa chất và cho xã hội những nhà khoa học có trình độ cao về lý luận chuyên ngành, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và có năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản.

2. Ngành đào tạo: Viện ĐCKS đào tạo trình độ tiến sĩ với các ngành tương ứng với các bộ môn như sau:

Ngành	Mã số	Nhóm ngành
Địa chất học	9440201	Khoa học trái đất
Khoáng vật học và Địa hóa học	9440205	Khoa học trái đất

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do Viện ĐCKS xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Ban đào tạo sau đại học Viện ĐCKS xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung. Mỗi học phần bổ sung tương đương 2-3 tín chỉ.

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó xác định mục đích và nội dung nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Khuyến khích nghiên cứu sinh có sinh hoạt khoa học trước khi tổ chức hội đồng chấm Tiểu luận tổng quan.

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Khuyến khích nghiên cứu sinh có sinh hoạt khoa học trước khi tổ chức hội đồng chấm chuyên đề tiến sĩ.

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và 02 hoặc 03 chuyên đề tiến sĩ do Viện trưởng Viện ĐCKS quyết định là những học phần bắt buộc.

5. Luận án tiến sĩ (75 tín chỉ) là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

6. Viện ĐCKS được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức, thời gian và thông báo tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.

3. Ban đào tạo sau đại học Viện ĐCKS căn cứ vào quy định của Quy chế này và các quy định liên quan chịu trách nhiệm xây dựng đề án tuyển sinh, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

4. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện ĐCKS và phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 03 tháng, trong đó nêu rõ:

a) Điều kiện tuyển;

b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định tại Phụ lục I; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 14 của Quy chế này;

c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;

d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;

đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);

g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

5. Nội dung thông báo tuyển sinh do Viện trưởng Viện ĐCKS chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của Viện ĐCKS.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển NCS cần có các điều kiện sau:

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

- a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp;
- b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;
- c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển NCS là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Viện trong quá trình đào tạo (đóng học phí, hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển NCS bao gồm:

- a) Đơn xin dự tuyển NCS (Phụ lục III);
- b) Sơ yếu lý lịch (Theo mẫu 2C-BNV/2008);
- c) Lý lịch khoa học (Phụ lục IV);

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

đ) Bản sao chụp các bài báo, công trình đã công bố trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển NCS;

e) Đề cương nghiên cứu (Phụ lục V);

g) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Phụ lục VI);

h) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (Phụ lục VII);

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ bản giấy và 01 bộ hồ sơ scan định dạng pdf.

Điều 7. Hội đồng tuyển sinh

1. Viện trưởng Viện ĐCKS ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

a. Chủ tịch Hội đồng: Viện trưởng;

b. Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế;

c. Các ủy viên: Trưởng hoặc phó của các đơn vị chuyên môn có học vị Tiến sĩ phù hợp với ngành tuyển sinh;

d. Những người có người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột bên vợ hoặc bên chồng) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy chế về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy chế này;

b. Quyết định và chịu trách nhiệm trước Viện ĐCKS toàn bộ các công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy chế này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có năng lực,

phẩm chất, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện ĐCKS;

c. Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Ban thư ký và các Tiểu ban chuyên môn, các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 8. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Thư ký Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và chuyên quản đào tạo của phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a. Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển;

b. Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh;

c. Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

d. Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Thư ký Hội đồng:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 9. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là, cán bộ khoa học cơ hữu trong Viện ĐCKS hoặc ngoài Viện ĐCKS do Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 10. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ tuyển, kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu.

2. Trưởng tiểu ban phân công các thành viên tiểu ban (2 thành viên/thí sinh) đọc và có nhận xét bằng văn bản về các bài báo, đề cương nghiên cứu của thí sinh.

3. Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn. Thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá đề cương thông qua khả năng trình bày của thí sinh, nội dung nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, những đóng góp mới của luận án, bố cục dự kiến của luận án, kế hoạch thực hiện luận án... (Biên bản họp xét tuyển được chi tiết trong Phụ lục VIII).

4. Trưởng tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

5. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn so với hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh.

Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Viện trưởng Viện ĐCKS quyết định cho từng ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Viện trưởng Viện ĐCKS phê duyệt.

Điều 11. Công nhận nghiên cứu sinh

Viện trưởng Viện ĐCKS phê duyệt danh sách người trúng tuyển. Sau khi có công văn cử đi học của cơ quan quản lý trực tiếp thí sinh (hoặc đơn đăng ký nhập học của thí sinh đối với thí sinh tự do), Viện trưởng Viện ĐCKS ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 12. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) cho các đối tượng đã có bằng thạc sĩ là 03 năm tập trung, các đối tượng chưa có bằng thạc sĩ (đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tuyển sinh) là 04 năm tập trung.

b) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Viện ĐCKS trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ:

a) Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, tập thể cán bộ hướng dẫn khoa học nghiên cứu sinh đề xuất các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận của nghiên cứu sinh. Viện trưởng Viện ĐCKS ra Quyết định công nhận các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ của các nghiên cứu sinh sau khi được Ban đào tạo sau đại học của Viện ĐCKS thông qua.

b) Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch học tập hàng năm của nghiên cứu sinh, trình Viện trưởng phê duyệt và thông báo cho các nghiên cứu sinh thực hiện.

c) Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại Viện ĐCKS. Trong trường hợp Viện ĐCKS không đào tạo các học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở Trường Đại học Mở Địa chất. Các học phần ở trình độ tiến sĩ phải do Viện ĐCKS tổ chức thực hiện.

d) Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần của nghiên cứu sinh phải đảm bảo khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Nghiên cứu sinh có học phần không đạt yêu cầu theo quy định của Viện ĐCKS sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

4. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế này, trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c, khoản 6 Điều này;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi cán bộ hướng dẫn khoa học được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của Viện ĐCKS, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của Viện ĐCKS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

6. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp viện thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại Viện ĐCKS.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp viện thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này) thì Viện trưởng Viện ĐCKS quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu;

c) Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho cơ sở đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 13. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

3. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Viện ĐCKS và theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 14. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Viện ĐCKS hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện ĐCKS theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ toàn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

5. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án cấp cơ sở và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Viện ĐCKS.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và Viện ĐCKS thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế; đề xuất với người hướng dẫn và Viện ĐCKS về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị phân tích thí nghiệm của Viện ĐCKS phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

4. Tham dự các buổi sinh hoạt khoa học, hội thảo khoa học của các đề tài nghiên cứu có hướng nghiên cứu gắn với nội dung của luận án, các hội thảo dự thảo luận án của các NCS khác của Viện ĐCKS để trao đổi kiến thức, học tập kinh nghiệm.

6. Đóng học phí theo Quy định hiện hành của Viện ĐCKS. Nghiên cứu sinh bảo vệ cấp Viện thành công trước ngày 01 tháng 7 hàng năm, đóng 50% học phí của năm đó. Các Nghiên cứu sinh bảo vệ cấp Viện thành công sau ngày 30 tháng 6 hàng năm đóng 100% học phí của năm đó.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm vụ và quyền hạn của phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị.

3. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy chế của Viện ĐCKS về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy chế này và các quy định liên quan.

4. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Viện ĐCKS.

5. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.

6. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp viện để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

7. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện ĐCKS. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (theo mẫu tại Phụ lục IX);

b) Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục X);

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp viện trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục XI);

d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

đ) Đăng ký mở lại mã chuyên ngành (nếu đủ điều kiện) đào tạo lại đối với các chuyên ngành không tuyển sinh được trong 3 năm liên tiếp.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 17. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 3 của Quy chế này về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (tham khảo mẫu tại Phụ lục XII).

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 18. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án cấp cơ sở:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà

xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Việc đánh giá luận án cấp cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Quy định chi tiết việc đánh giá luận án cấp cơ sở, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Viện ĐCKS. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp viện;

b) Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, nghiên cứu sinh hoàn thiện hồ sơ nộp lại phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

c) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Hồ sơ xin bảo vệ Luận án tiến sĩ cấp cơ sở gồm:

a) Đơn xin bảo vệ Luận án tiến sĩ cấp cơ sở (có đồng ý của tập thể người hướng dẫn khoa học);

b) Nhận xét của người hướng dẫn khoa học;

c) Lý lịch khoa học;

d) Bảng điểm nghiên cứu sinh;

đ) Danh mục công trình nghiên cứu khoa học, bài báo: tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của Luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI- Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỳ hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

e) Bản thảo Luận án và Tóm tắt Luận án;

g) Bản giải trình nội dung bổ sung và sửa chữa luận án sau khi Hội thảo khoa học, có chữ ký xác nhận của tập thể cán bộ hướng dẫn.

Điều 19. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không phải là cán bộ của Viện ĐCKS; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện ĐCKS.

4. Xử lý kết quả phản biện độc lập:

a) Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Viện trưởng Viện ĐCKS lựa chọn chuyên gia kiểm tra lại các giải trình chỉnh sửa của nghiên cứu sinh theo ý kiến của các phản biện độc lập. Căn cứ kết quả kiểm tra, Viện trưởng Viện ĐCKS ra quyết định thành

lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

b) Khi một trong hai phản biện độc lập không tán thành luận án. Viện trưởng Viện ĐCKS gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án, thực hiện theo mục a khoản 4 Điều 19 của Quy chế này.

c) Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành (khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba). Trường hợp này luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm, kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập bao gồm:

a) Biên bản đánh giá Luận án cấp cơ sở;

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung, sửa chữa (có đầy đủ chữ ký xác nhận của tất cả các cán bộ hướng dẫn và các ủy viên phản biện tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở);

c) Ba bộ sao chụp các công trình khoa học liên quan đến nội dung Luận án của nghiên cứu sinh. Bản photo bài báo gồm: Bìa tạp chí, Mục lục, bài báo. Trong đó có 02 bộ xóa tên nghiên cứu sinh trên các công trình, bài báo đó;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả bài báo, công trình nghiên cứu (nếu có);

đ) Ba bản Luận án đóng bìa mềm, trong đó 02 bản không có thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và cơ sở đào tạo;

e) Ba bản tóm tắt Luận án trong đó có 02 bản không có thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và cơ sở đào tạo.

Điều 20. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập quy định tại Điều 20 của Quy chế này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

d) Nghiên cứu sinh đã giải trình, chỉnh sửa đúng yêu cầu của phản biện độc lập và của chuyên gia kiểm tra rà soát lại các chỉnh sửa của nghiên cứu sinh theo ý kiến của phản biện độc lập.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của Viện ĐCKS;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 18 Quy chế này (nếu có);

đ) Biên bản của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện;

e) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

i) Bản giải trình các điểm bổ sung và sửa chữa luận án của nghiên cứu sinh sau buổi họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký xác nhận của tập thể cán bộ hướng dẫn và của các phản biện tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

k) Bản giải trình các điểm bổ sung và sửa chữa luận án của nghiên cứu sinh theo ý kiến của các phản biện độc lập, có chữ ký xác nhận của chuyên gia kiểm tra;

l) Đơn xin bảo vệ luận án cấp viện và lý lịch khoa học cập nhật;

m) USB hoặc đĩa CD chứa các file: Toàn văn Luận án, Tóm tắt Luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, bản trích yếu Luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, i, k, l, m khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế tập hợp.

Điều 21. Hội đồng đánh giá luận án cấp viện

1. Viện trưởng Viện ĐCKS ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện, quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; người phản biện phải có tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo khoa học, trong đó có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc hoặc 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên và thành phần Hội đồng:

- a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên không phải là cán bộ cơ hữu của Viện tối thiểu là 02 người;
- b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của cơ sở đào tạo và 01 phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;
- c) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

Điều 22. Đánh giá luận án ở cấp viện

- 1) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 23 của Quy chế này;
- 2) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện ĐCKS chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 24 của Quy chế này;
- 3) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp viện trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;

4) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;

5) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

6) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng và đã được trưng bày ở phòng đọc của thư viện Viện ĐCKS ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án, tóm tắt (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Viện ĐCKS trước ngày bảo vệ 20 ngày, trừ các luận án được phép đánh giá theo chế độ mật được quy định theo Điều 23 của Quy chế này.

7) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản (theo mẫu chi tiết trong Phụ lục XIII) gửi đến Viện ĐCKS tối thiểu 5 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh. Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt hoặc không nhận đủ nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

8) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

9) Trong thời hạn tối đa là 03 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Viện trưởng Viện ĐCKS quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án được thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

10) Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng, nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, có chữ ký xác nhận của các cán bộ hướng dẫn (hoặc đại diện tập thể hướng dẫn), Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và ba người

phản biện luận án đề nộp tại Viện ĐCKS.

Điều 23. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Viện trưởng Viện ĐCKS phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Viện trưởng Viện ĐCKS chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 2, khoản 6 Điều 22 của Quy chế này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy chế này.

Điều 24. Đánh giá lại luận án ở cấp viện

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp viện thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp viện lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án phải được trình Viện ĐCKS để đưa ra bảo vệ lần thứ hai. Thời điểm bảo vệ luận án lần thứ hai phải trong thời hạn 6 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Trình tự, quy trình và phương thức đánh giá luận án lần thứ hai tương tự lần thứ nhất.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 25. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, được thực hiện theo Điều 20 và Điều 21 của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp viện của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 20 của Quy chế này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 31 của Quy chế này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 27. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Viện ĐCKS, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của Viện ĐCKS với những yêu cầu thẩm định cụ thể (quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án).

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Viện ĐCKS theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế này.

4. Chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền Viện trưởng Viện ĐCKS tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 28. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp viện; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp viện quy định tại khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung của đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Viện trưởng Viện ĐCKS tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

Điều 29. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì Viện ĐCKS xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Quy chế này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng Viện ĐCKS bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Viện trưởng Viện ĐCKS có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 30. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp viện thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp viện và được người hướng dẫn, phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 27 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 của Quy chế này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 27 của Quy chế này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Viện ĐCKS và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Viện ĐCKS sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp viện;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp viện có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp viện có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 23 Quy chế này;

3. Viện ĐCKS tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ những điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

4. Viện trưởng Viện ĐCKS có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp viện trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Ban đào tạo sau đại học của Viện để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 32. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện ĐCKS theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện ĐCKS. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho Viện ĐCKS.

Điều 33. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Viện ĐCKS xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Quy chế này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Viện trưởng Viện ĐCKS thành lập theo quy định tại Điều 28 của Quy chế này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Quy định chuyển tiếp

Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Viện ĐCKS thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 35. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, cơ sở đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục XI); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Trịnh Hải Sơn